TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 21-02-2019
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Ông Trần Đăng Khoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Hấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3910[a]/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 333/2019/QĐST-HNGD ngày 21 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Vũ Văn Đ; địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Có mặt

- *Bị đơn*: Chị Dinh Be D; địa chỉ: 32 Gadaeseo 1 Gil, Buk-gu, Ulsan, Hàn Quốc. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Vũ Văn Đ trình bày: Tháng 6/2015, anh Vũ Văn Đ và chị Dinh Be D quen biết nhau tại Hàn Quốc. Sau một thời gian tìm hiểu đến ngày 25/11/2016 anh Đ và chị D đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc. Ngày 06/01/2017, ghi chú kết hôn tại Uỷ ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng. Sau khi đăng ký

kết hôn, anh Đ và chị D không sống cùng nhau. Anh Đ trở về sinh sống tại Việt Nam và chị D ở tại Hàn Quốc. Anh Đ và chị D dự định sau khi kết hôn chị D sẽ làm visa cho anh Đ sang Hàn Quốc nhưng từ ngày đăng ký kết hôn đến nay chị D vẫn chưa làm được visa cho anh Đ với nhiều lý do khác nhau. Từ khi anh Đ về Việt Nam, chị D và anh Đ ít liên lạc với nhau. Đến cuối năm 2017, anh Đ không liên lạc được với chị D nữa. Theo anh Đ thì chị D đã yêu một người đàn ông khác tại Hàn Quốc nên đã không liên lạc cũng như không làm visa cho anh Đ. Do vậy, anh Đ nhận thấy không còn tình cảm với chị D và mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với chị D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có và anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tống đạt các văn bản tố tụng, lấy lời khai đối với chị Dinh Be D nhưng không có kết quả. Anh Đ cũng không thể cung cấp được địa chỉ khác của chị Dinh Be D cho Tòa án.

Tại phiên tòa, anh Vũ Văn Đ giữ nguyên quan điểm như trình bầy tại đơn khởi kiện.

Quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Vũ Văn Đ và chị Dinh Be D kết hôn với mục đích là để anh Đ được sang Hàn Quốc nhưng không đạt được. Từ năm 2017 đến nay anh Đ và chị Dinh Be D cũng không liên lạc với nhau. Chị Dinh Be D quốc tịch Hàn Quốc và đang sinh sống tại Hàn Quốc. Do anh Đ, chị D kết hôn không trên tình cảm vợ chồng vì mục đích khác và nay không còn liên lạc với nhau. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Vũ Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Đ diện Viện Kiểm sát nhân dân tham dự phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Dinh Be D có quốc tịch Hàn Quốc và hiện đang cư trú tại Hàn Quốc. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Toà án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Dinh Be D theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 474 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng việc tống đạt không có kết quả và nguyên đơn anh Vũ Văn Đ cũng không thể cung cấp được tên và địa chỉ khác của chị Dinh Be D tại Hàn Quốc. Phiên tòa đã được mở lần thứ hai và

cũng đã được Tòa án công bố thông báo thụ lý trên cổng thông tin điện tử của Tòa án. Căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị Dinh Be D.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn Đ và chị Dinh Be D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/11/2016 tại Hàn Quốc. Ngày 06/01/2017, Ủy ban nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn. Căn cứ Điều 8, 9, 122, 126 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm c khoản 2, Điều 7 và khoản 1, Điều 48 Luật Hộ tịch năm 2014 xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, anh Đ và chị Dinh Be D không chung sống với nhau và từ cuối năm 2017 hai người không còn liên lạc với nhau. Theo anh Đ thì chị Dinh Be D đã yêu một người đàn ông khác tại Hàn Quốc. Xét thấy cuộc sống chung giữa anh Đ bà chị Dinh Be D không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho anh Vũ Văn Đ ly hôn với chị Dinh Be D.

[2.2]. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh Vũ Văn Đ và chị Dinh Be D không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Anh Vũ Văn Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Vũ Văn Đ và chị Dinh Be D được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 207, điểm c khoản 6 Điều 477 và Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vũ Văn Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn Đ được ly hôn với chị Dinh Be D.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung không có và anh Vũ Văn Đ không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và lệ phí uỷ thác tư pháp: Anh Vũ Văn Đ phải chịu 300.000đ (*Bai trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) lệ phí uỷ thác tư pháp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Đ đã nộp 300.000đ (*Bai trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0010672, ngày 16 tháng 4 năm 2018 và 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tạm ứng lệ phí uỷ thác tư pháp theo Biên lai số 0010695, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Anh Vũ Văn Đ đã nộp đủ.

4.Về quyền kháng cáo:

Anh Vũ Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chị Dinh Be D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND huyện A, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Dương